

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 306/2026/DS-ST

Ngày 30 - 7 - 2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Công Ba** và bà **Nguyễn Thị Kim Ngân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2026/TLST-DS ngày 26.3.2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1049/2026/QĐXXST-DS ngày 18.6.2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1072/2026/QĐST-DS ngày 06.7.2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty T2**. Địa chỉ: Tầng A, Tháp B, Khu Thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng lô 1 - 13, Khu chức năng số 1, số A T, Phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Xuân H, Lê Thế C và Trần Hoàng H1. Địa chỉ: H N, phường H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số: 048/2024/UQ-TGD ngày 04.10.2024; Giấy ủy quyền số: 36/2026/UQ-KK-SVFC ngày 02.02.2026; Văn bản ủy quyền số: 20/UQ2026 ngày 03.3.2026), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn T** - Sinh năm 1990; CCCD số: 048090000782 cấp ngày 27.4.2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1. Địa chỉ: K T, phường N, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16.3.2026 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty T2 trình bày:

Giữa Công ty T2 và ông Trần Văn T đã ký kết các Hợp đồng cho vay cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số: 100922555 ngày 29.6.2022. Theo hợp đồng này thì ông Trần Văn T vay số tiền 60.000.000 đồng; mục đích vay sửa chữa nhà ở; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 36 kỳ, mỗi tháng trả 2.521.815 đồng, bắt đầu từ ngày 16.7.2022; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 30%/năm và cố định trong suốt thời gian vay; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Kể từ khi vay tiền, ông Trần Văn T chỉ thanh toán được số tiền 65.082.886 đồng (gốc 37.941.138 đồng, lãi 27.141.748 đồng) và vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 16.9.2024. Tính đến ngày 30.7.2026, ông Trần Văn T còn nợ Công ty T2 số tiền là 39.874.208 đồng (gốc 22.058.862 đồng, lãi trong hạn 3.151.197 đồng, lãi quá hạn 14.664.149 đồng).

- Hợp đồng cho vay số: 101511746 ngày 24.8.2022. Theo hợp đồng này thì ông Trần Văn T vay số tiền 57.000.000 đồng; mục đích vay mua đồ dùng gia đình; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 48 kỳ, mỗi tháng trả 1.976.084 đồng, bắt đầu từ ngày 16.9.2023; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 28%/năm và cố định trong suốt thời gian vay; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Kể từ khi vay tiền, ông Trần Văn T chỉ thanh toán được số tiền 21.848.302 đồng (gốc 10.071.998 đồng, lãi 11.776.304 đồng) và vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 16.10.2024. Tính đến ngày 30.7.2026, ông Trần Văn T còn nợ Công ty T2 số tiền là 75.708.671 đồng (gốc 46.928.002 đồng, lãi trong hạn 16.093.768 đồng, lãi quá hạn 12.686.901 đồng).

Mặc dù Công ty T2 đã nhắc nhở, yêu cầu nhưng ông Trần Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Vì vậy, Công ty T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn T phải thanh toán số tiền còn nợ của các hợp đồng tạm tính đến ngày 30.7.2026 là 115.582.879 đồng (nợ gốc 68.986.864 đồng, tiền lãi trong hạn 19.244.965 đồng, tiền lãi quá hạn 27.351.050 đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo các hợp đồng cho vay đã ký kết, kể từ ngày 31.7.2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ông Trần Văn T đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 và không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Công ty T2 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Văn T đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty T2 khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Thanh thanh T1 nợ theo Hợp đồng cho vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ông Trần Văn T có nơi cư trú tại phường N, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Hợp đồng cho vay số: 100922555 ngày 29.6.2022 và Hợp đồng cho vay số: 101511746 ngày 24.8.2022 mà Công ty T2 ký với ông Trần Văn T thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán: Mặc dù ông Trần Văn T vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T2. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Công ty T2 cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với Hợp đồng cho vay số: 100922555 ngày 29.6.2022:

Theo hợp đồng này thì ông Trần Văn T vay số tiền 60.000.000 đồng; mục đích vay sửa chữa nhà ở; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 36 kỳ, mỗi tháng trả 2.521.815 đồng, bắt đầu từ ngày 16.7.2022; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 30%/năm và cố định trong suốt thời gian vay; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn T đã thanh toán được số tiền 65.082.886 đồng (gốc 37.941.138 đồng, lãi 27.141.748 đồng) và vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 16.9.2024. Do ông Trần Văn T vi phạm nghĩa vụ thanh

toán nên Công ty T2 chuyển phần dư nợ gốc sang nợ quá hạn, kể từ ngày đến hạn trả nợ là đúng với quy định tại điểm c khoản 4.3 Điều 4 Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay (gắn liền với Hợp đồng cho vay). Tính đến ngày 30.7.2026, ông Trần Văn T còn nợ Công ty T2 số tiền là 39.874.208 đồng. Trong đó, nợ là gốc 22.058.862 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.151.197 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.664.149 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số: 101511746 ngày 24.8.2022:

Theo hợp đồng này thì ông Trần Văn T vay số tiền 57.000.000 đồng; mục đích vay mua đồ dùng gia đình; trả nợ gốc, lãi định kỳ 01 tháng/lần trong 48 kỳ, mỗi tháng trả 1.976.084 đồng, bắt đầu từ ngày 16.9.2023; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 28%/năm và cố định trong suốt thời gian vay; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn T đã thanh toán được số tiền 21.848.302 đồng (gốc 10.071.998 đồng, lãi 11.776.304 đồng) và vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 16.10.2024. Do ông Trần Văn T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T2 chuyển phần dư nợ gốc sang nợ quá hạn, kể từ ngày đến hạn trả nợ là đúng với quy định tại điểm c khoản 4.3 Điều 4 Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay (gắn liền với Hợp đồng cho vay). Tính đến ngày 30.7.2026, ông Trần Văn T còn nợ Công ty T2 số tiền là 75.708.671 đồng. Trong đó, nợ gốc là 46.928.002 đồng, tiền lãi trong hạn 16.093.768 đồng, tiền lãi quá hạn 12.686.901 đồng.

Căn cứ vào khoản 2 của Hợp đồng cho vay số: 100922555 ngày 29.6.2022; khoản 2 của Hợp đồng cho vay số: 101511746 ngày 24.8.2022; khoản 8.2 Điều 8 Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay thì ông Trần Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Công ty T2 khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự 2015 cần được chấp nhận. Do đó, buộc ông Trần Văn T phải trả cho Công ty T2 số tiền còn nợ theo các hợp đồng tính đến ngày 30.7.2026 là 115.582.879 đồng (nợ gốc 68.986.864 đồng, tiền lãi trong hạn 19.244.965 đồng, tiền lãi quá hạn 27.351.050 đồng) và phải tiếp tục trả tiền lãi trên dư nợ gốc, kể từ ngày 31.7.2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay đã ký kết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Công ty T2 được chấp nhận nên ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là theo quy định. Hoàn trả lại Công ty T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/UBTVQH15 ngày 25.6.2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 100, 103 và 209 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 đối với ông Trần Văn T.

Xử:

1. Buộc ông Trần Văn T phải thanh toán cho Công ty T2 số tiền tính đến ngày 30.7.2026 là 115.582.879 đồng (nợ gốc là 68.986.864 đồng, tiền lãi trong hạn là 19.244.965 đồng, tiền lãi quá hạn là 27.351.050 đồng), trong đó:

- Nợ theo Hợp đồng cho vay số: 100922555 ngày 29.6.2022 là 39.874.208 đồng (nợ gốc là 22.058.862 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.151.197 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.664.149 đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính trên dư nợ gốc, kể từ ngày 31.7.2026 cho đến khi ông Trần Văn Thanh thanh T1 xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

- Nợ theo Hợp đồng cho vay số: 101511746 ngày 24.8.2022 là 75.708.671 đồng (nợ gốc là 46.928.002 đồng, tiền lãi trong hạn 16.093.768 đồng, tiền lãi quá hạn 12.686.901 đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính trên dư nợ gốc, kể từ ngày 31.7.2026 cho đến khi ông Trần Văn Thanh thanh T1 xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

Trường hợp trong các hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Văn T phải chịu là 5.779.143 đồng. Hoàn trả cho Công ty T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.564.407 đồng theo Biên lai thu số 0002748 ngày 24.3.2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Diện